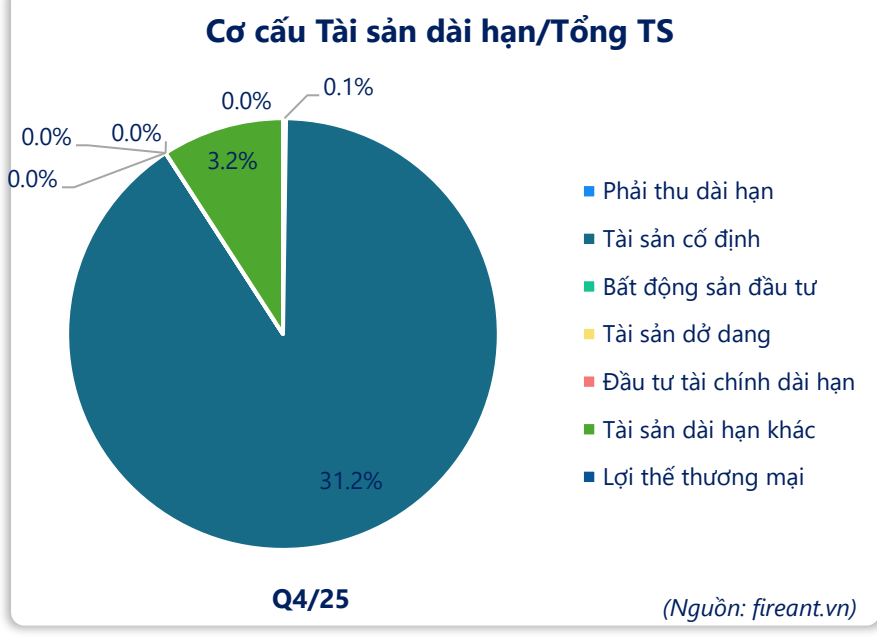
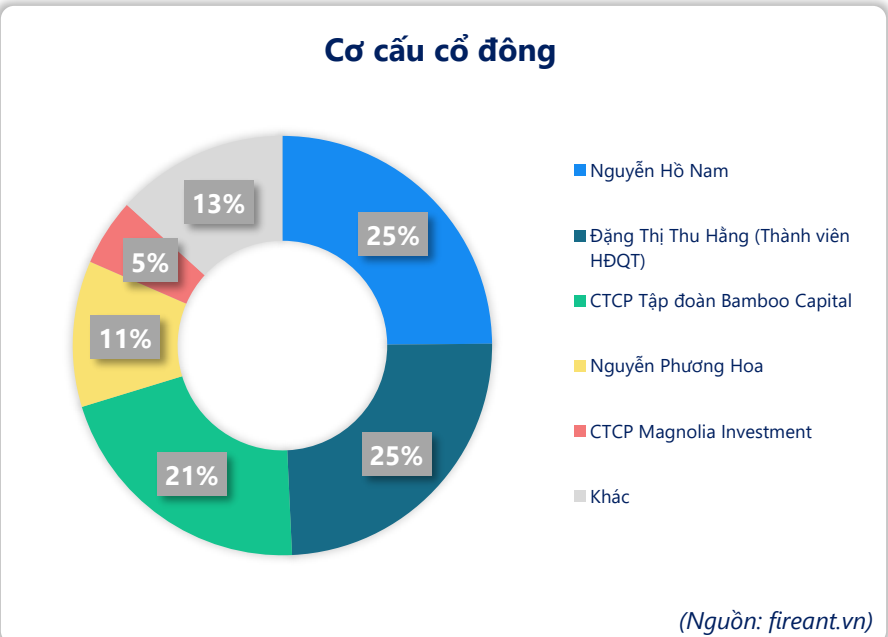
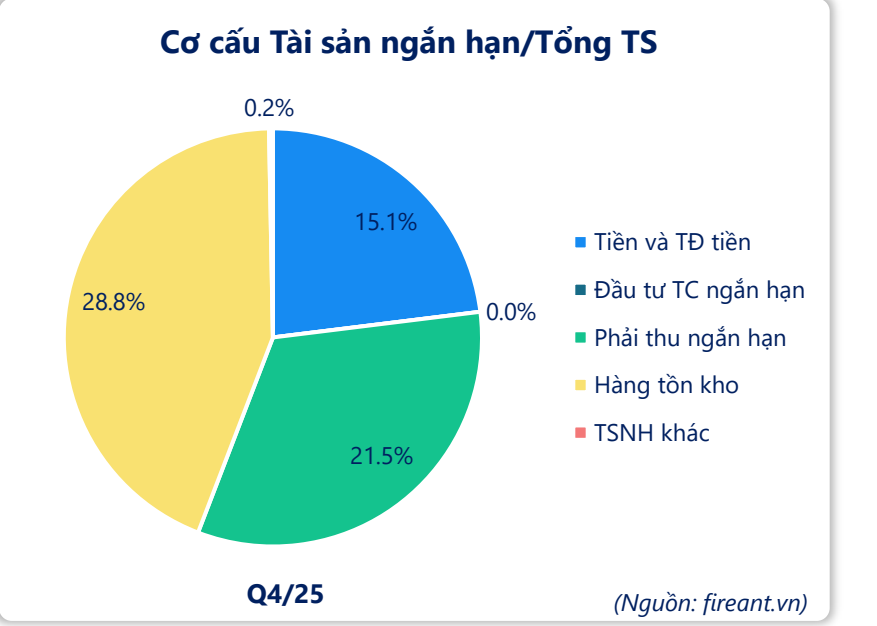
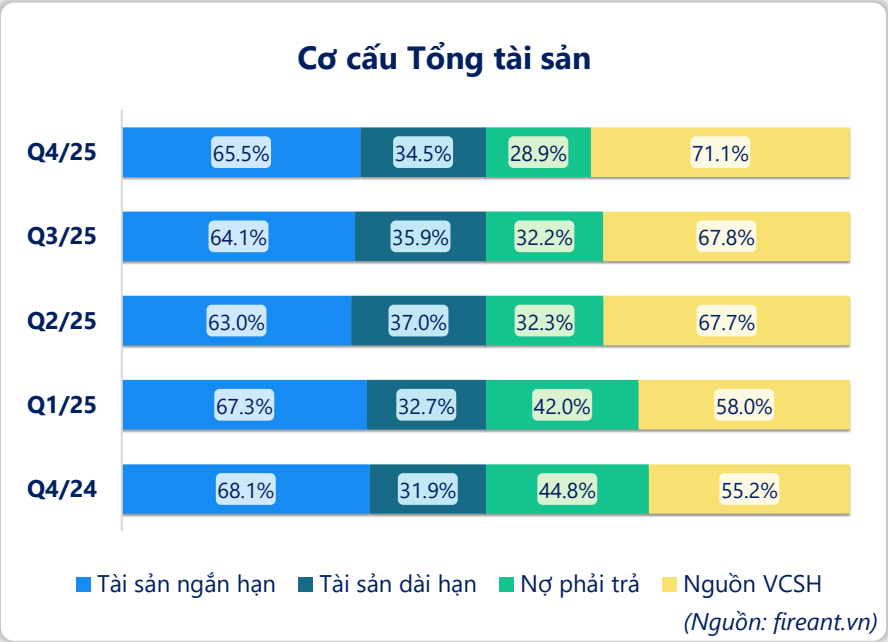
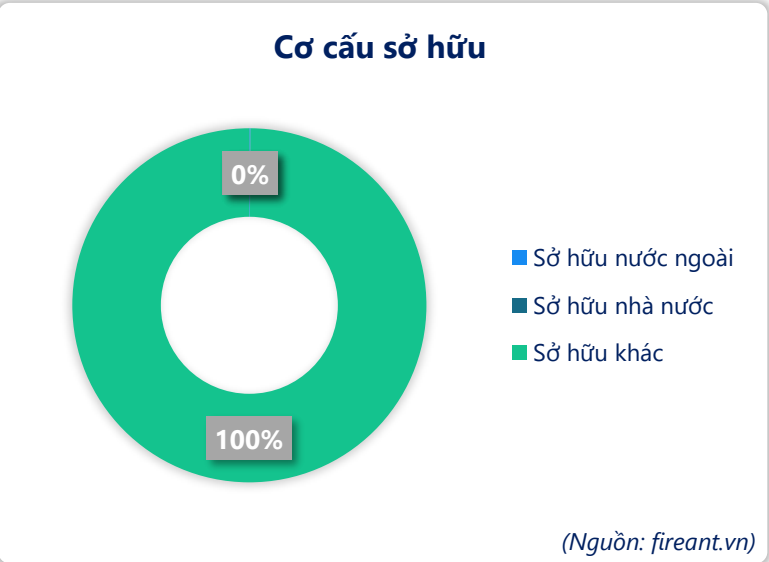
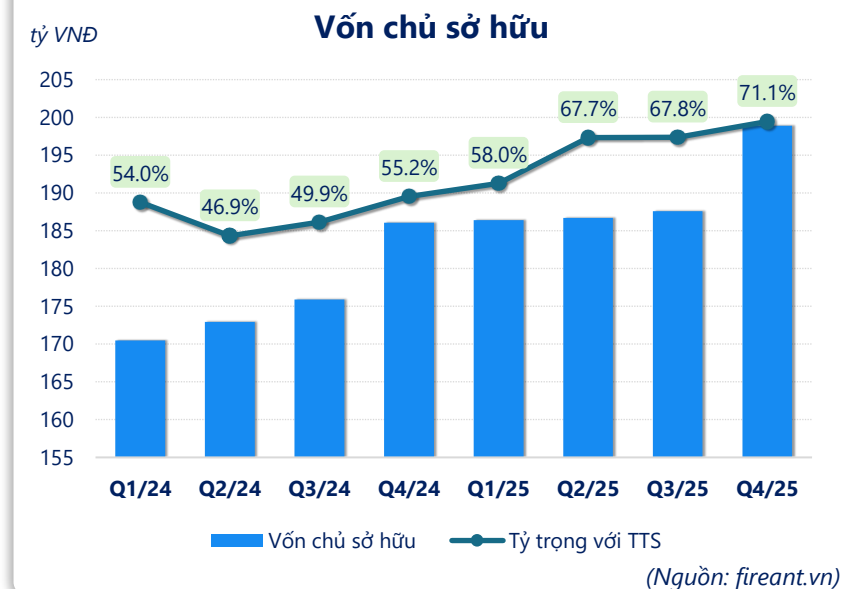
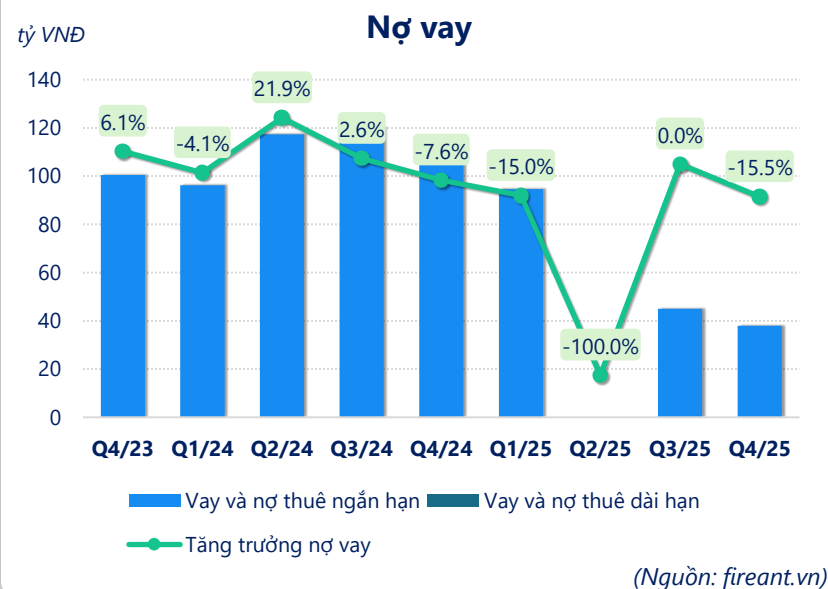
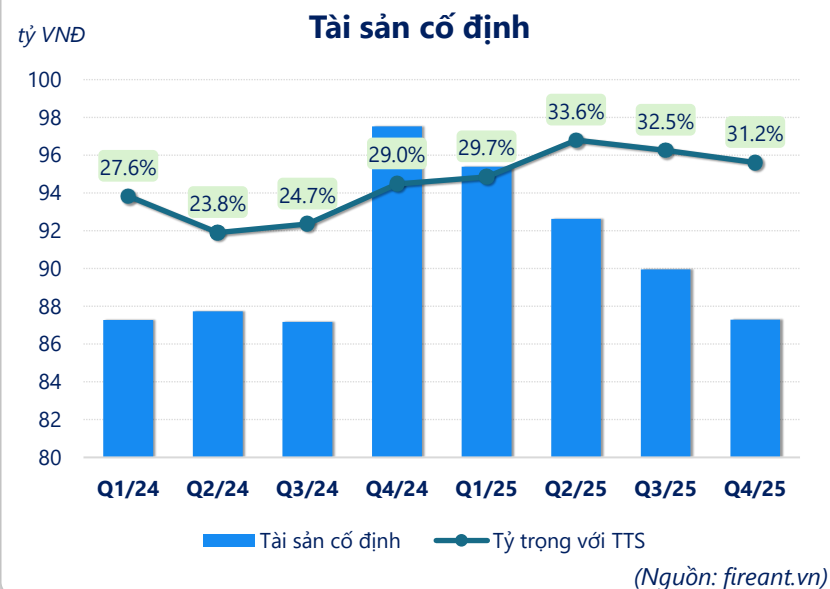
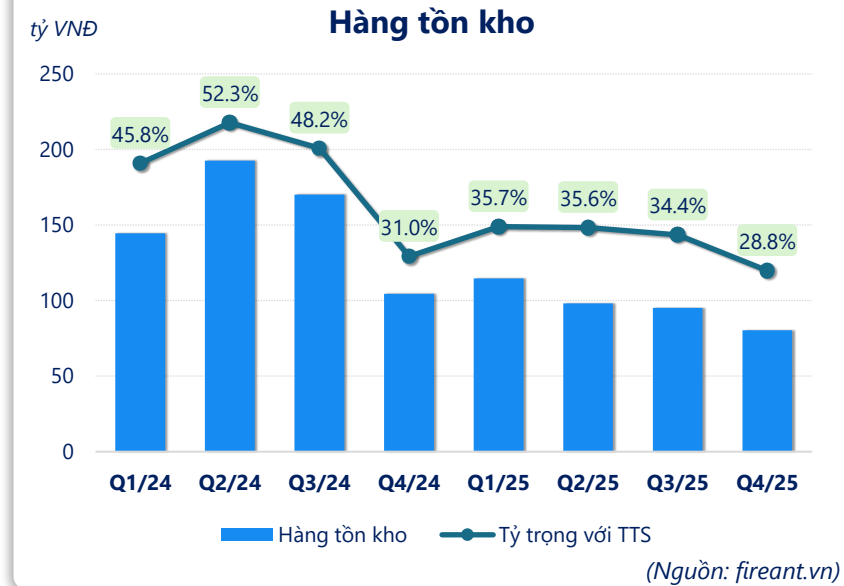
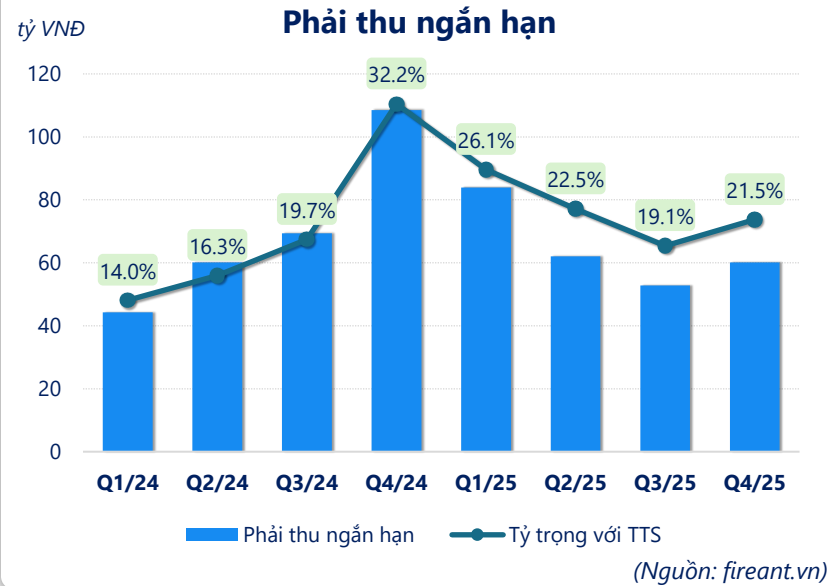
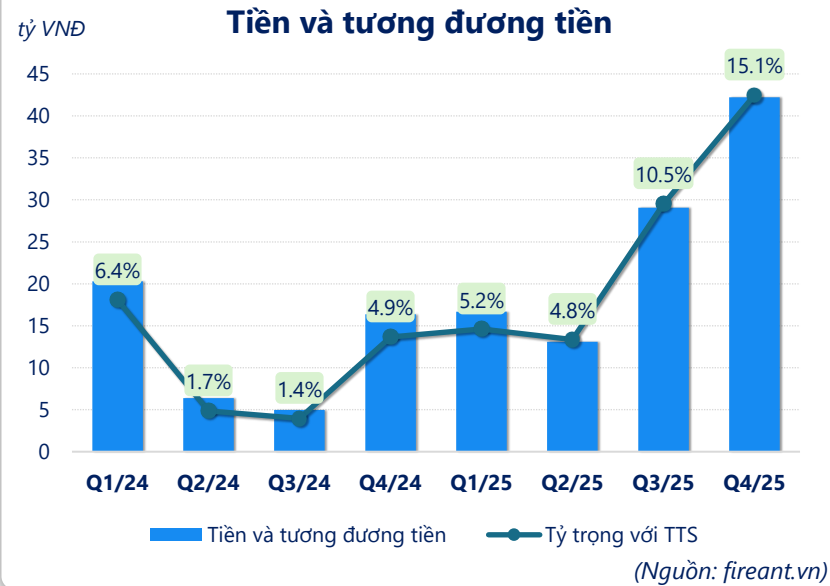
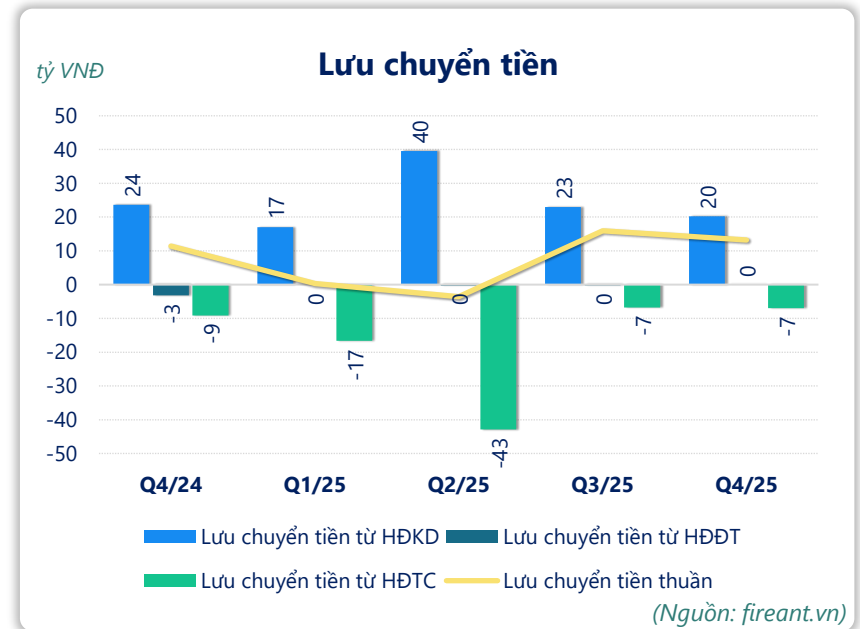
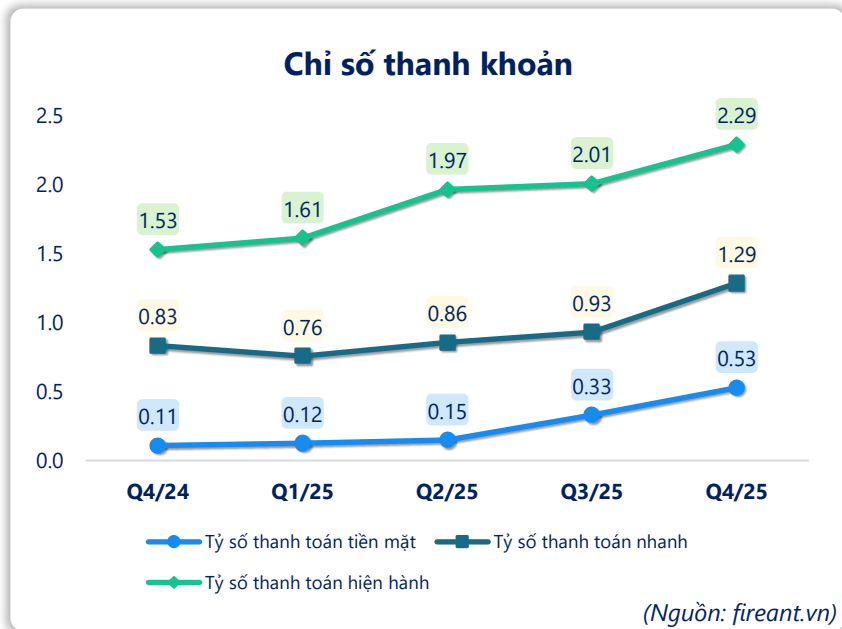
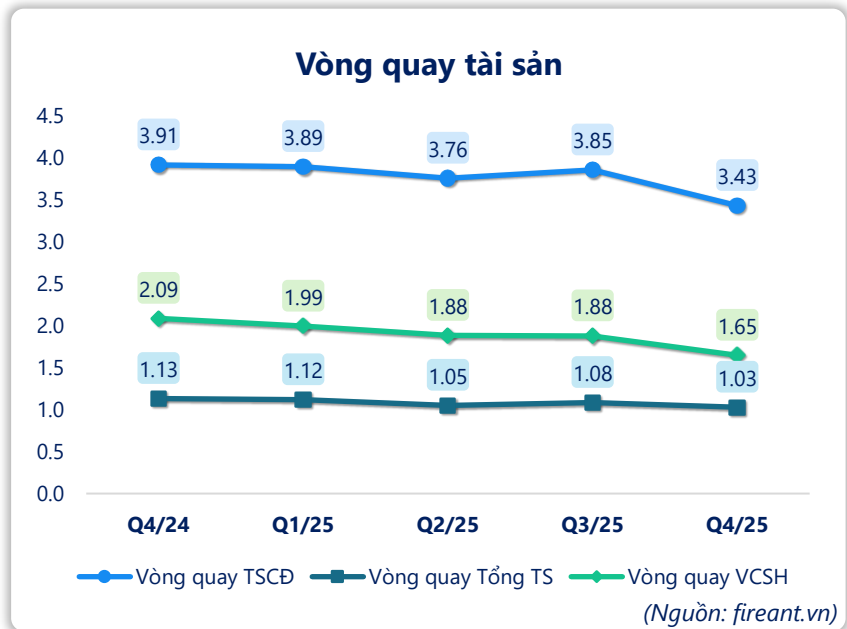
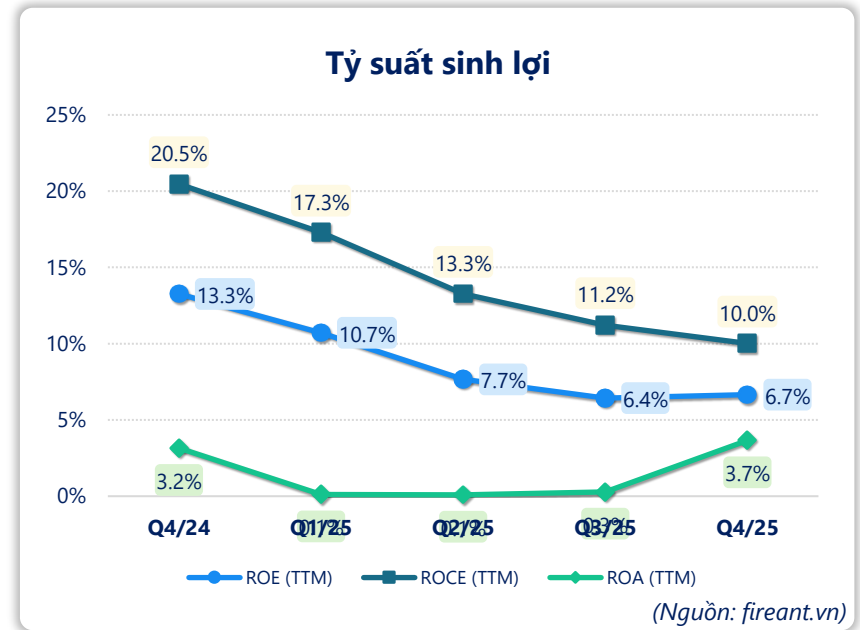
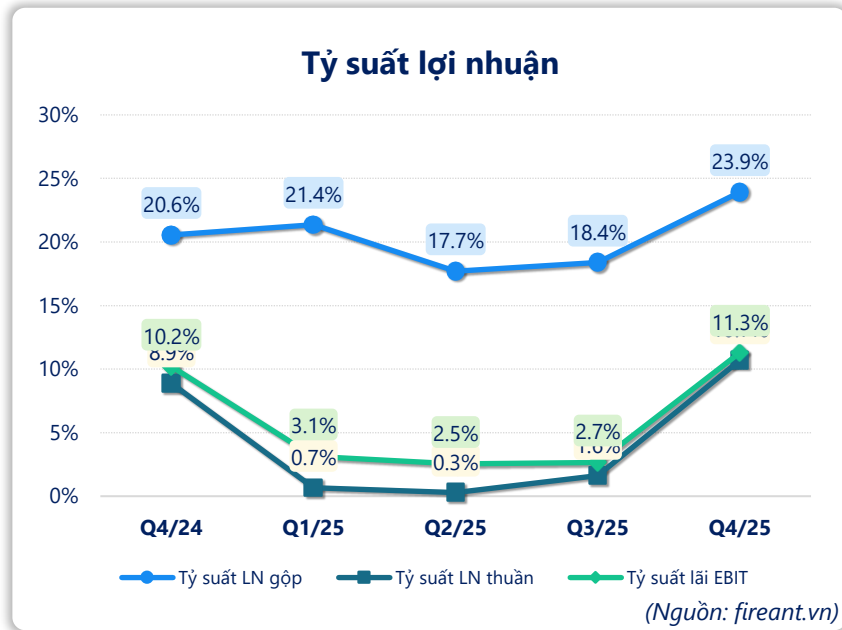
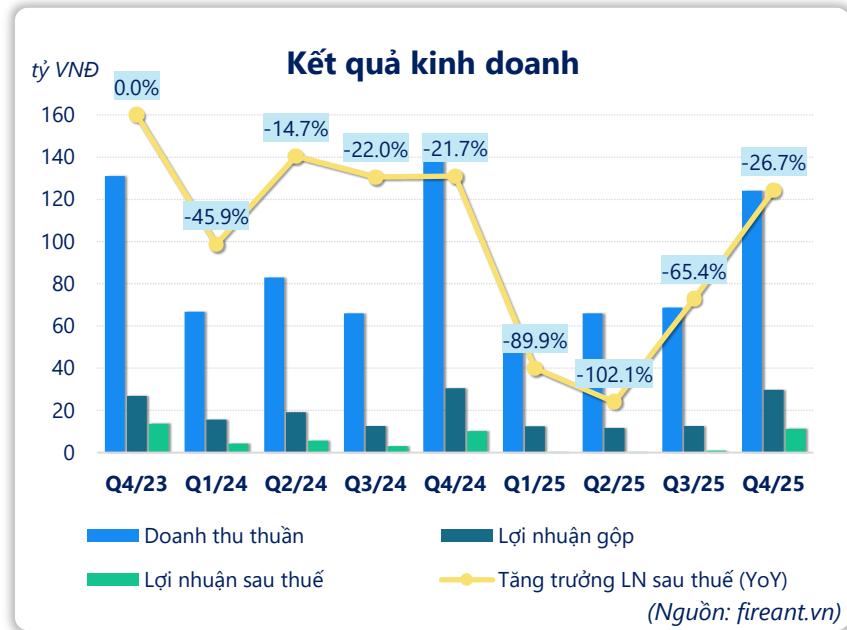


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,854
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,100
SL cổ phiếu LH		9,605,318
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,895
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		149
P/E		11.6
EPS		1,334

	YTD	1T	3T	6T
DTG	-17.6%	3.3%	4.0%	6.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	280	337	-17.0%
Tài sản ngắn hạn	183	230	-20.1%
Tiền và tương đương tiền	42.2	16.4	158%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	60.1	109	-44.6%
Hàng tồn kho	80.4	104	-23.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.55	0.18	198%
Tài sản dài hạn	96.3	107	-10.3%
Phải thu dài hạn	0.22	0.31	-28.3%
Tài sản cố định	87.3	97.5	-10.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	8.82	9.50	-7.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	80.7	151	-46.5%
Nợ ngắn hạn	79.9	150	-46.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	38.0	111	-65.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.6	19.0	-2.1%
Nợ dài hạn	0.79	0.73	8.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	199	186	6.9%
Vốn chủ sở hữu	199	186	6.9%
Vốn điều lệ	96.1	83.5	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	148	58.3	65.9	68.7	124
Giá vốn hàng bán	118	45.8	54.3	56.1	94.4
Lợi nhuận gộp	30.5	12.5	11.7	12.6	29.7
Doanh thu HĐTC	0.05	0.15	0.03	0.03	0.08
Chi phí TC	1.94	1.39	1.54	0.70	0.71
Chi phí lãi vay	1.82	1.39	1.37	0.69	0.68
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.75	2.53	2.97	3.06	4.19
Chi phí QLDN	11.7	8.29	7.01	7.79	11.6
LN thuần từ HĐKD	13.2	0.39	0.19	1.11	13.3
Lợi nhuận khác	0.14	0.05	0.12	0.03	0.06
LN trước thuế	13.3	0.44	0.31	1.14	13.3
Lợi nhuận sau thuế	10.1	0.35	0.29	0.91	11.3
LNST của CĐ cty mẹ	10.1	0.35	0.29	0.91	11.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.7	17.0	39.6	23.0	20.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.15	-0.05	-0.30	-0.24	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.11	-16.7	-42.9	-6.80	-7.02
Tiền đầu kỳ	4.97	16.4	16.7	13.1	29.0
Lưu chuyển tiền thuần	11.4	0.32	-3.58	15.9	13.2
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	16.4	16.7	13.1	29.0	42.2

(Nguồn: fireant.vn)